

Số: 43 /TB-HĐTS

Bình Dương, ngày 18 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO

**Điểm chuẩn (điểm sàn) nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đại học chính quy
Dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2019**

Thông tin chung:

Tên trường : **Đại học Thủ Dầu Một** Mã trường : **TDM**
Loại hình trường : **Đại học công lập** (đa ngành) Chỉ tiêu : **4.100**
Website : **www.tuyensinh.tdmu.edu.vn** Email: **trungtamtuyensinh@tdmu.edu.vn**
Địa chỉ: **số 6, đường Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**
Điện thoại: **0274 3835677 - 0274 3844340 - 0274 3844341**

Hội đồng tuyển sinh thông báo đến thí sinh mức điểm chuẩn (điểm sàn) nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đại học chính quy dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2019 cụ thể như sau:

- 1. Vùng tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.
- 2. Điều kiện tham gia xét tuyển:** Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đạt điểm sàn của Trường Đại học Thủ Dầu Một quy định trở lên.
- 3. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 65% tổng chỉ tiêu của từng ngành
- 4. Điểm chuẩn (Điểm sàn) nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển các ngành:**

Stt	Ngành học	Mã Ngành	Tổ hợp môn ĐKXT	Chỉ tiêu	Điểm sàn
1	Kế toán	7340301	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	250	15
2	Quản trị Kinh doanh	7340101	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	250	16
3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	150	15
4	Quản lý Công nghiệp	7510601	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	70	14
5	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Vật lí, Ngữ văn (C01) -Toán, tiếng Anh, KHTN (D90)	70	14
6	Kỹ thuật Điều khiển	7520216	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	60	14

	và tự động hóa		-Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Vật lí, Ngữ văn (C01) -Toán, tiếng Anh, KHTN (D90)		
7	Kỹ thuật Điện	7520201	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Vật lí, Ngữ văn (C01) -Toán, tiếng Anh, KHTN (D90)	150	14
8	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Vật lí, Ngữ văn (C01) -Toán, tiếng Anh, KHTN (D90)	60	14
9	Kỹ thuật Phần mềm – Công nghệ Thông tin	7480103	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01) -Toán, tiếng Anh, KHTN (D90)	150	14
10	Hệ thống Thông tin – Công nghệ Thông tin	7480104	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01) -Toán, tiếng Anh, KHTN (D90)	70	14
11	Kiến trúc	7580101	-Toán, Vật lí, Năng khiếu (V00) -Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (V01) -Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	60	14
12	Thiết kế Đồ họa	7210403	-Toán, Vật lí, Năng khiếu (V00) -Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (V01) -Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	50	14
13	Công nghệ Chế biến Lâm sản (Kỹ nghệ gỗ)	7549001	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	50	14
14	Quy hoạch Vùng và Đô thị + Quy hoạch Đô thị + Quản lý Đô thị	7580105	-Toán, Vật lí, Năng khiếu (V00) -Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (V01) -Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	50	14
15	Toán học	7460101	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Hóa học, tiếng Anh (D07) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	50	14
16	Vật lý học	7440102	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01) -Toán, Vật lí, KHXH (A17)	50	14
17	Hóa học	7440112	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00) -Toán, Hóa học, tiếng Anh (D07) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	150	14
18	Sinh học Ứng dụng	7420203	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Sinh học (A02) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00) -Toán, Sinh học, KHXH (B05)	100	14
19	Khoa học Môi trường	7440301	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00)	150	14

			-Toán, Sinh học, KHXH (B05)		
20	Quản lý Nhà nước	7310205	-Toán, Ngữ văn, GD&ĐT (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	200	15
21	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00) -Toán, Sinh học, KHXH (B05)	100	14
22	Quản lý Đất đai	7850103	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00) -Toán, Sinh học, KHXH (B05)	50	14
23	Luật	7380101	-Toán, Ngữ văn, GD&ĐT (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	350	15
24	Ngôn ngữ Anh	7220201	-Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Ngữ văn, Địa lí, tiếng Anh (D15) -Ngữ văn, tiếng Anh, KHXH (D78)	350	15
25	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	-Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Trung (D04) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Ngữ văn, tiếng Anh, KHXH (D78)	250	15
26	Chính trị học	7310201	-Toán, Ngữ văn, GD&ĐT (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Ngữ văn, Toán, KHXH (C15)	50	14
27	Quốc tế học	7310601	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Ngữ văn, tiếng Anh, KHXH (D78)	50	14
28	Tâm lý học	7310401	-Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh (D14) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00)	50	14
29	Công tác Xã hội	7760101	-Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, GD&ĐT (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh (D14) -Ngữ văn, tiếng Anh, KHXH (D78)	50	14
30	Văn hóa học	7229040	-Toán, Ngữ văn, GD&ĐT (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Ngữ văn, Toán, KHXH (C15)	50	14
31	Văn học	7229030	-Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) -Ngữ văn, Toán, KHXH (C15)	50	14
32	Địa lý học	7310501	-Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Lịch sử, Địa lí (A07) -Ngữ văn, KHXH, Vật lí (C24) -Ngữ văn, Địa lí, tiếng Anh (D15)	50	14



33	Lịch sử	7229010	-Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, GDCD (C14) -Ngữ văn, Toán, KHXH (C15)	50	14
34	Giáo dục học	7140101	-Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, GDCD (C14) -Ngữ văn, Toán, KHXH (C15)	50	14
35	Công nghệ Kỹ thuật ô tô (Mới)	7510205	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Tiếng anh, KHTN (D90)	80	14
36	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Mới)	7510605	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Tiếng anh, KHTN (D90)	80	14
37	Giáo dục Mầm non	7140201	-Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (M00)	50	
38	Giáo dục Tiểu học	7140202	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, KHTN (A16)	150	

Ghi chú: Riêng Ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học, Trường sẽ công bố mức điểm chuẩn nhận hồ sơ ĐKXT sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đào tạo cho nhóm ngành đào tạo giáo viên.

5. Nguyên tắc xét tuyển

Sau khi kết thúc thời gian điều chỉnh nguyện vọng, Trường đại học Thủ Dầu Một sẽ tiến hành xét tuyển. Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành lấy 1 mức điểm chung cho 4 tổ hợp, xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu (Điểm trúng tuyển là tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có), không nhân hệ số).

6. Thời gian thực hiện điều chỉnh nguyện vọng

Thí sinh thực hiện điều chỉnh 01 lần duy nhất bằng 1 trong hai hình thức:

- Từ ngày 22/7 đến 29/7/2019 (điều chỉnh trực tuyến) không được tăng số lượng nguyện vọng
- Từ ngày 22/7 đến 31/7/2019 (điều chỉnh bằng phiếu) được tăng số lượng nguyện vọng

7. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển

- Trước 17h00 ngày 09/8/2019 Trường đại học Thủ Dầu Một công bố kết quả trúng tuyển tại: **Website:** www.tuyensinh.tdmu.edu.vn. Những thí sinh trúng tuyển Trường sẽ thông báo bằng tin nhắn SMS tới số điện thoại mà thí sinh đã đăng ký.

8. Thời gian xác nhận nhập học

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học đồng thời làm thủ tục nhập học vào trường Đại học Thủ Dầu Một cụ thể như sau:

- **Thời gian:** từ 11/8/2019 đến 17h00 ngày 15/8/2019

Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học, trường sẽ từ chối nhập học và sẽ xóa tên trong danh sách.

- Thí sinh trúng tuyển, trực tiếp đến Trường đại học Thủ Dầu Một để nhận giấy thông báo trúng tuyển (Trường sẽ phát Giấy thông báo trúng tuyển khi thí sinh đến Trường làm thủ tục xác nhận nhập học).

- **Hồ sơ:** Nộp bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia 2019
- **Học phí:** Trường đại học Thủ Dầu Một là trường Đại học công lập, nên học phí thu theo quy định của Nhà nước, các mức thu cụ thể như sau:

Nhóm ngành	Mức thu học phí học kỳ I (đơn vị tính: VNĐ)
Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ	5.300.000
Khoa học xã hội, Kinh tế, Luật	4.500.000
Sư phạm (<i>Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non</i>)	Không thu học phí

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Thủ Dầu Một
Số 6, Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Website: www.tuyensinh.tdmu.edu.vn **Email:** trungtamtuoyensinh@tdmu.edu.vn
Điện thoại: (0274) 3835677 – (0274) 3844340 – (0274) 3844341
Hotline: 0911.022.322

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Các phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



TS. Ngô Hồng Điệp

